

Bản án số: 106/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 – 6 – 2021

V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Liêm

2. Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị M, sinh năm: 1980. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Ch, xã LV, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Trần Thanh T, sinh năm: 1969. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Ch xã LV thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Lê Thị M trình bày và xác định yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Thanh T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau vào ngày 03/4/2002. Thời gian chung sống, chị và anh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, anh T không lo cho cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn giữa chị và anh T đã được hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị và anh

T không còn sống chung nhà và đã ly thân 05 năm nay. Không hàn gắn được mối quan hệ vợ chồng, không còn tình cảm dành cho anh T, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn anh Trần Thanh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 người con chung tên Trần Thanh Tr, sinh ngày 25/4/2003, đang sống chung với chị. Con chung của chị và anh T đã trên 18 tuổi nên chị không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung.

Đối với anh Trần Thanh T: Mặc dù anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo cho anh T đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập anh T đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhiều lần nhưng anh T vẫn không đến Tòa án theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án, cũng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị M và anh Trần Thanh T có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nay chị M xin ly hôn. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Anh T đang cư trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết. Anh T đã được thông báo đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt; chị M từ chối hòa giải nên vụ án không hòa giải được, Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 207, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Lê Thị M và anh Trần Thanh T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị M và anh T được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị M xác định thời gian chị và anh T chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp được với nhau, mâu thuẫn trầm trọng không hòa giải được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị và anh T đã ly thân. Không hàn gắn được tình cảm, không tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng được với nhau nên chị xin ly hôn. Đối với anh T: Anh T đã được thông báo đến Tòa án để tham gia hòa giải, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng anh T vẫn vắng mặt không rõ lý do, anh T cũng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị M. Điều đó thể hiện anh T không có ý thức hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị M. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị M và anh T xảy ra nhưng không ai có giải pháp giải quyết được mâu

thuần, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Anh T và chị M đã ly thân, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị M, cho chị M ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị M xác định chị và anh T có 01 người con chung tên Trần Thanh Tr, sinh ngày 25/4/2003. Chị M không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng. Xét thấy con chung của chị M và anh T đã trên 18 tuổi, chị M và anh T không ai đặt ra yêu cầu về con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị M xác định chị và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị M xác định không có. Không ai yêu cầu về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị M về việc xin ly hôn anh Trần Thanh T.

2 - Về con chung: Cháu Trần Thanh Tr, sinh ngày 25/4/2003. Chị M, anh T không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng nên không xem xét.

3 - Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét.

4 - Về nợ chung: Không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng. Ngày 13/4/2021, chị Lê Thị M đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai số 0000904) được đối trừ, chuyển thu nộp ngân sách Nhà nước.

6 - Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Thanh T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- THADS thành phố C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân